

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 215/1998/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế

kiểm soát đặc biệt đối với các Tổ chức tín dụng cổ phần Việt Nam

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30/9/1992;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 96/1998/QĐ-TTg ngày 19/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc củng cố sắp xếp các Ngân hàng thương mại cổ phần tại thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ các Định chế tài chính - Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế kiểm soát đặc biệt đối với các Tổ chức tín dụng cổ phần Việt Nam".

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3.- Chánh văn phòng Thống đốc, Vụ trưởng Vụ các Định chế tài chính, Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các Tổ chức tín dụng cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

**KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC
TÍN DỤNG CỔ PHẦN VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 215/1998/QĐ-NHNN5

ngày 29/6/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, giúp các tổ chức tín dụng khắc phục những khó khăn về tài chính, duy trì khả năng chi trả, khả năng thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dưới đây viết tắt là Ngân hàng Nhà nước) quyết định việc đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi tổ chức tín dụng lâm vào một hoặc một số trường hợp được nêu tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 2. Kiểm soát đặc biệt là việc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp quản lý nghiệp vụ đặc biệt theo quy định tại Quy chế này để kiểm soát, giám sát trực tiếp tình hình tổ chức và hoạt động của Tổ chức tín dụng.

Điều 3. Quy chế này áp dụng đối với các Ngân hàng thương mại cổ phần và Công ty tài chính cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổ chức tín dụng cổ phần) được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4.

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc đặt Tổ chức tín dụng cổ phần vào tình trạng kiểm soát đặc biệt và quyết định kết thúc kiểm soát đặc biệt;
2. Quyết định kiểm soát đặc biệt và quyết định kết thúc kiểm soát đặc biệt được Ngân hàng Nhà nước thông báo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan hữu quan trên địa bàn để phối hợp thực hiện.

CHƯƠNG II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tổ chức tín dụng cổ phần có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một hoặc một số trường hợp sau đây:

1. Có nguy cơ mất khả năng chi trả, được biểu hiện:
 - 1.1. 03 lần liên tiếp trong một tháng, không duy trì được giá trị tài sản động tương đương với các khoản phải chi trả trong 3 ngày làm việc tiếp theo;
 - 1.2. Không có khả năng huy động để thanh toán những khoản nợ đến hạn;

2. Có nguy cơ mất khả năng thanh toán, được biểu hiện:

2.1. Các khoản nợ khó đòi, nợ cho vay quá hạn từ 12 tháng trở lên chiếm trên 10% tổng dư nợ cho vay;

2.2. Các khoản nợ khách hàng không có khả năng thanh toán, không có tài sản thế chấp hợp pháp lớn hơn 100% vốn tự có.

3. Số lỗ lũy kế lớn hơn 50% tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ.

Điều 6.

1. Khi có nguy cơ lâm vào một trong những tình trạng nêu tại Điều 5, Tổ chức tín dụng cổ phần phải báo cáo ngay Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi Tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng hoặc dự kiến áp dụng để khắc phục.

2. Căn cứ báo cáo của Tổ chức tín dụng cổ phần quy định tại khoản 5.1. điều này và khả năng tự chấn chỉnh hoặc qua công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát phát hiện Tổ chức tín dụng cổ phần lâm vào một trong những trường hợp nêu tại Điều 5, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi tổ chức tín dụng cổ phần đặt trụ sở chính hoặc Thanh tra Ngân hàng Nhà nước phải báo cáo và đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt Tổ chức tín dụng cổ phần vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

Điều 7. Quyết định kiểm soát đặc biệt gồm những nội dung sau:

1. Tên Tổ chức tín dụng cổ phần được kiểm soát đặc biệt;

2. Lý do kiểm soát đặc biệt;

3. Họ, tên thành viên và nhiệm vụ cụ thể của Ban kiểm soát đặc biệt;

4. Thời hạn kiểm soát đặc biệt.

Điều 8.

1. Ban kiểm soát đặc biệt được thành lập theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Trưởng ban do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chỉ định.

2. Trưởng ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn đã quy định; chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề có liên quan đến quá trình kiểm soát đặc biệt Tổ chức tín dụng cổ phần; chịu trách nhiệm trước Giám

độc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc điều hành Ban kiểm soát đặc biệt và các quyết định liên quan đến việc kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng.

3. Ban kiểm soát đặc biệt phải có tối thiểu 3 thành viên, thành viên Ban kiểm soát đặc biệt phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

3.1. Là cán bộ của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, thuộc các phòng: quản lý các tổ chức tín dụng, tổng hợp (nơi không có phòng quản lý các tổ chức tín dụng), Thanh tra, Quản lý ngoại hối, Kế toán, Tín dụng;

3.2. Có trình độ, kinh nghiệm về công tác nghiệp vụ chuyên môn và có thời gian công tác trong ngành ngân hàng ít nhất là 03 năm;

3.3. Không phải là cổ đông, bố, mẹ, vợ, chồng, con của một trong các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Tổ chức tín dụng cổ phần được kiểm soát đặc biệt.

4. Các thành viên Ban kiểm soát đặc biệt thực hiện công việc theo sự phân công của Trưởng ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố về việc thực thi nhiệm vụ của mình. Việc thay thế thành viên Ban kiểm soát đặc biệt do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố và Trưởng ban kiểm soát đặc biệt.

5. Trường hợp cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ chỉ định một tổ chức tín dụng khác tham gia kiểm soát đặc biệt Tổ chức tín dụng cổ phần và chỉ định cán bộ của Tổ chức tín dụng đó tham gia vào Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 9. Ban kiểm soát đặc biệt có các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau:

1. Nhiệm vụ:

1.1. Chỉ đạo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng cổ phần được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án củng cố tổ chức và hoạt động.

Nội dung phương án phải thể hiện rõ: thực trạng tổ chức và hoạt động, nguyên nhân, biện pháp, thời gian thực hiện và hiệu quả của phương án;

1.2. Chỉ đạo và giám sát Tổ chức tín dụng cổ phần triển khai các biện pháp được nêu trong phương án củng cố Tổ chức tín dụng cổ phần đã được Ban kiểm soát đặc biệt thông qua;